

# De o'tte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang	Thành viên
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



Ngày 10 tháng 3 năm 2017



Số: 518 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Tùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1941-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.738.405.509</b>	<b>85.755.225.408</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>44.638.058.202</b>	<b>45.082.321.523</b>
1. Tiền	111		1.738.058.202	2.162.302.215
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.900.000.000	42.920.019.308
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>29.715.528.893</b>	<b>17.849.975.810</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.715.528.893	17.849.975.810
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.033.121.644</b>	<b>18.502.745.755</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	23.766.614.466	18.214.702.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	624.848.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	707.166.281	424.603.075
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(440.659.103)	(761.408.426)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.124.206.143</b>	<b>3.014.473.974</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.124.206.143	3.014.473.974
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>227.490.627</b>	<b>1.305.708.346</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		209.195.648	394.763.412
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	18.294.979	910.944.934
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>160.213.505.789</b>	<b>179.201.423.494</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>143.673.944.787</b>	<b>165.226.051.479</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	143.311.071.287	165.226.051.479
- Nguyên giá	222		404.875.496.450	403.069.925.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.564.425.163)	(237.843.874.024)
2. Tài sản cố định vô hình	227		362.873.500	-
- Nguyên giá	228		395.862.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.988.500)	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.803.355.550</b>	<b>9.385.659.186</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.803.355.550	9.385.659.186
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	2.500.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.876.205.452</b>	<b>2.089.712.829</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.876.205.452	2.089.712.829
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>260.951.911.298</b>	<b>264.956.648.902</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.857.591.819</b>	<b>37.060.776.174</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.857.591.819</b>	<b>37.060.776.174</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.956.043.130	9.506.744.623
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		461.572.525	495.336.058
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.455.780.364	1.933.113.256
4. Phải trả người lao động	314		13.590.556.577	15.607.938.746
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.500.000.000	3.000.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.893.639.223	3.258.323.227
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.259.320.264
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>235.094.319.479</b>	<b>227.895.872.728</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>235.094.319.479</b>	<b>227.895.872.728</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.922.319.479	12.723.872.728
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		56.691.819	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		19.865.627.660	12.723.872.728
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>260.951.911.298</b>	<b>264.956.648.902</b>



**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2017



**Nguyễn Xuân Hùng**  
Kế toán trưởng



**Lê Doãn Long**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ 01/4/2015 tới 31/12/2015
<b>1. Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>164.175.936.909</b>	<b>135.038.464.018</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>164.175.936.909</b>	<b>135.038.464.018</b>
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	127.221.557.183	105.342.273.019
<b>5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>36.954.379.726</b>	<b>29.696.190.999</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.726.576.251	1.434.152.606
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		16.841.080.036	15.476.520.714
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-26))</b>	<b>30</b>		<b>22.839.875.941</b>	<b>15.653.822.891</b>
9. Thu nhập khác	31	22	2.194.532.076	884.410.647
10. Chi phí khác	32		136.452.443	175.949.432
<b>11. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.058.079.633</b>	<b>708.461.215</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>24.897.955.574</b>	<b>16.362.284.106</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.032.327.914	3.638.411.378
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>19.865.627.660</b>	<b>12.723.872.728</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>923</b>	<b>503</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

  
Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng

  
Lê Đoàn Long  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

Từ 01/4/2015  
đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	đến 31/12/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>24.897.955.574</b>	<b>16.362.284.106</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.148.251.161	23.016.759.982
Các khoản dự phòng	03	(320.749.323)	761.408.426
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.007.229.450)	(1.434.152.606)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>51.718.227.962</b>	<b>38.706.299.908</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(5.267.221.360)	3.773.097.724
Biến động hàng tồn kho	10	714.038.831	(1.078.868.457)
Biến động các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.273.172.070)	10.657.757.539
Biến động chi phí trả trước	12	415.116.050	614.192.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.124.796.083)	(3.427.860.031)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.100.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.838.133.017)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.352.160.313</b>	<b>49.244.618.853</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.997.869.051)	(12.329.206.250)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	168.545.455	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.865.553.083)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.574.196.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.557.594.794	-
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.726.576.251	1.434.152.606
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.984.901.634)</b>	<b>(10.895.053.644)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.811.522.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.811.522.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(444.263.321)</b>	<b>38.349.565.209</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>45.082.321.523</b>	<b>6.732.756.314</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>44.638.058.202</b>	<b>45.082.321.523</b>

  
**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Xuân Hùng**  
Kế toán trưởng



  
**Lê Doãn Long**  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 504 (31 tháng 12 năm 2015: 517).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hoá;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lai dắt và dịch vụ hàng hải

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ. Số liệu trình bày trên cột so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 chỉ cho mục đích thông tin tham khảo.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.



### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.





Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí nợ vét được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.





Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	331.809.576	14.211.461
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.406.248.626	2.148.090.754
Các khoản tương đương tiền (i)	42.900.000.000	42.920.019.308
	<b><u>44.638.058.202</u></b>	<b><u>45.082.321.523</u></b>

- (i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

## **6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Vinh với kỳ hạn gốc từ 4 - 6 tháng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm.

## **7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Nhật Việt	4.015.689.444	4.054.203.516
Công Ty Cổ Phần Vận Tài Biển GL (trước đây là Công ty Cổ phần thương mại và vận tải biển Đại Tây Dương)	2.887.850.280	1.929.891.355
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	1.506.642.884	1.617.067.353
Công ty Cổ Phần Vận Tài 1 TRACO	2.864.714.340	1.564.111.234
Các khách hàng khác	12.491.717.518	9.049.429.048
	<b><u>23.766.614.466</u></b>	<b><u>18.214.702.506</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	76.361.252	155.706.178
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	231.844.444	198.233.756
Phải thu khác	398.960.585	70.663.141
	<b>707.166.281</b>	<b>424.603.075</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.872.683.120	-	2.716.755.063	-
Công cụ, dụng cụ	251.523.023	-	297.718.911	-
<b>Cộng</b>	<b>2.124.206.143</b>	<b>-</b>	<b>3.014.473.974</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Dự án Xây dựng bến số 5 và số 6 Cảng Cửa Lò (i)	1.803.355.550	1.803.355.550
Chi phí nạo vét nâng cấp vũng đậu tàu	-	7.582.303.636
	<b>1.803.355.550</b>	<b>9.385.659.186</b>

- (i) Dự án Xây dựng bến số 5 và số 6 đã được chuyển giao cho chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (cổ đông lớn của Công ty) theo Văn bản số 7591/UBND-GT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình bàn giao các chi phí đã phát sinh cho chủ đầu tư mới, bao gồm chủ yếu các chi phí đền bù, thiết kế cho dự án.

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Công ty liên kết (i)</b>				
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)</b>				
Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines	-	-	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>



- (i) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 36% tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phần vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai dất hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cửa Lò ngày 18 tháng 01 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016 với tổng số tiền 1.721.292.878 VND cho tất cả các Cổ đông.
- (ii) Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines với số tiền 2.500.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 33/NQ-HĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines đã thông qua công tác giải thể và hoàn trả vốn góp cho cổ đông. Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh đã nhận lại giá trị vốn góp và lãi từ hoạt động góp vốn trong năm 2016.

**Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong kỳ:**

**Năm 2016**

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp/Bù trừ VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Các loại thuế khác	910.944.934	1.063.893.855	171.243.900	18.294.979
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>910.944.934</i>	<i>1.063.893.855</i>	<i>171.243.900</i>	<i>18.294.979</i>
<b>Cộng</b>	<b>910.944.934</b>	<b>1.063.893.855</b>	<b>171.243.900</b>	<b>18.294.979</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	412.735.271	14.982.381.126	14.350.371.065	1.044.745.332
<i>- Thuế GTGT đầu ra</i>	<i>412.735.271</i>	<i>14.982.381.126</i>	<i>14.350.371.065</i>	<i>1.044.745.332</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.503.201	5.032.327.914	5.124.796.083	1.411.035.032
Các loại thuế khác	11.874.784	5.000.000	16.874.784	-
<i>- Thuế khác</i>	<i>11.874.784</i>	<i>5.000.000</i>	<i>16.874.784</i>	-
Các khoản phải nộp khác	5.000.000	-	5.000.000	-
<i>- Các khoản phí, lệ phí</i>	<i>5.000.000</i>	-	<i>5.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.933.113.256</b>	<b>20.019.709.040</b>	<b>19.497.041.932</b>	<b>2.455.780.364</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>293.047.642.267</b>	<b>11.919.535.314</b>	<b>94.302.839.710</b>	<b>167.827.272</b>	<b>3.632.080.940</b>	<b>403.069.925.503</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.027.571.817	-	-	-	159.090.909	1.186.662.726
Mua sắm mới	257.727.273	-	8.263.636.363	104.863.637	384.859.726	9.011.086.999
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(578.333.333)	-	-	(578.333.333)
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	-	(7.813.845.445)	-	-	(7.813.845.445)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>294.332.941.357</b>	<b>11.919.535.314</b>	<b>94.174.297.295</b>	<b>272.690.909</b>	<b>4.176.031.575</b>	<b>404.875.496.450</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>173.486.016.099</b>	<b>7.401.988.854</b>	<b>54.635.520.131</b>	<b>120.246.067</b>	<b>2.200.102.873</b>	<b>237.843.874.024</b>
Trích khấu hao trong năm	18.971.645.884	1.294.391.010	9.905.550.024	49.053.177	894.622.566	31.115.262.661
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(578.333.333)	-	-	(578.333.333)
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	-	(6.816.378.189)	-	-	(6.816.378.189)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>192.457.661.983</b>	<b>8.696.379.864</b>	<b>57.146.358.633</b>	<b>169.299.244</b>	<b>3.094.725.439</b>	<b>261.564.425.163</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>101.875.279.374</b>	<b>3.223.155.450</b>	<b>37.027.938.662</b>	<b>103.391.665</b>	<b>1.081.306.136</b>	<b>143.311.071.287</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>119.561.626.168</b>	<b>4.517.546.460</b>	<b>39.667.319.579</b>	<b>47.581.205</b>	<b>1.431.978.067</b>	<b>165.226.051.479</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 9.953.966.531 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2016: 1.038.352.595 VND).

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Giá trị/Số có</b>	<b>Giá trị/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
Công ty CP Nạo vét và Xây dựng Thái Bình Dương	-	4.484.330.000
Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	2.559.671.400	3.323.259.500
Công ty CP Xây dựng công trình An Gia Phát	-	1.156.425.455
Các đối tượng khác	396.371.730	542.729.668
	<b>2.956.043.130</b>	<b>9.506.744.623</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	3.000.000.000
	<b>2.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	114.361.000	119.970.459
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.947.078.000	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	1.851.459.273
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.832.200.223	1.286.893.495
	<b>3.893.639.223</b>	<b>3.258.323.227</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/4/2015</b>	<b>215.172.000.000</b>	-	<b>215.172.000.000</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	12.723.872.728	12.723.872.728
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>12.723.872.728</b>	<b>227.895.872.728</b>
Lợi nhuận trong năm	-	19.865.627.660	19.865.627.660
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.908.580.909)	(1.908.580.909)
Công bố chi trả cổ tức (i)	-	(10.758.600.000)	(10.758.600.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>19.922.319.479</b>	<b>235.094.319.479</b>

- (i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và công bố chi trả cổ tức tỷ lệ 5%/1 cổ phiếu theo Nghị quyết số 01-16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

**Vốn đầu tư và điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn điều lệ của Công ty là 215.172.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông thực góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	109.737.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	38.941.560.000	18,10%	38.941.560.000	38.941.560.000
Ông Bùi Ngọc Yên	23.131.010.000	10,75%	23.131.010.000	23.131.010.000
Các cổ đông khác	43.361.710.000	20,15%	43.361.710.000	43.361.710.000
	<b>215.172.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>215.172.000.000</b>

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.



**19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	151.695.913.856	125.770.157.875
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	12.480.023.053	9.268.306.143
	<b>164.175.936.909</b>	<b>135.038.464.018</b>

**20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	112.991.043.483	95.702.127.270
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	14.230.513.700	9.640.145.749
	<b>127.221.557.183</b>	<b>105.342.273.019</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.276.773.535	15.323.150.235
Chi phí nhân công	62.062.529.789	50.936.882.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.115.262.661	23.016.759.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.161.942.355	23.602.918.960
Chi phí khác bằng tiền	9.766.878.202	7.939.082.158
	<b>144.383.386.542</b>	<b>120.818.793.733</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	172.727.273	-
Lãi do đánh giá lại tài sản	1.112.107.744	-
Tiền phạt thu được	15.931.000	-
Các khoản khác	893.766.059	884.410.647
	<b>2.194.532.076</b>	<b>884.410.647</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>19.865.627.660</b>	<b>12.723.872.728</b>
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	(1.908.580.909)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>19.865.627.660</b>	<b>10.815.291.819</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>923</b>	<b>503</b>

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Ông Bùi Ngọc Yên	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

**Giao dịch với bên liên quan**

	<b>Năm nay</b>
	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Lai dất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò</b>	
Mua hàng và dịch vụ	3.485.102.500
Bán hàng và dịch vụ	20.909.091
Góp vốn	4.860.000.000
	<b>Năm nay</b>
	<b>VND</b>

**Trả cổ tức**

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	5.486.886.000
Ông Bùi Ngọc Yên	1.098.722.975

**Số dư với bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.947.078.000	-

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

	<b>Năm nay</b>	<b>Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>1.091.451.000</b>	<b>904.500.000</b>





**25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 1.947.078.000 VND là số tiền cổ tức đã công bố trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.



**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
**Người lập biểu**

*Ngày 10 tháng 3 năm 2017*

  
**Nguyễn Xuân Hùng**  
**Kế toán trưởng**  
**Lê Doãn Long**  
**Tổng Giám đốc**